



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2010

PHẦN I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. Lịch sử hình thành

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt (VSSC) được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005730 ngày 18/12/2006. Công ty chính thức đi vào hoạt động ngày 09/04/2007 theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 33/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 25/12/2006.

Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới Chứng khoán
- Tự doanh Chứng khoán
- Tư vấn Tài chính và đầu tư chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán.

II. Quá trình phát triển.

Ngày 25/12/2006	SVS được cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán
Ngày 14/03/2007	Thành viên Lưu ký của TTLK Chứng khoán Việt Nam
Ngày 06/04/2007	Thành viên Giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Ngày 09/04/2007	Chính thức đi vào hoạt động với vốn điều lệ ban đầu là 20 tỷ đồng
Ngày 03/05/2007	Thành viên Giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Ngày 01/06/2007	Tăng vốn điều lệ lên 36 tỷ đồng
Ngày 31/12/2007	Tăng vốn điều lệ lên 135 tỷ đồng
Ngày 10/10/2008	Chuyển trụ sở chính từ số 58/1 – 58/2 Trần Xuân Soạn – Phường Tân Kiểng – Quận 7 – Thành phố Hồ Chí Minh ra tầng 6&8, Tòa nhà CTM – 299 Cầu Giấy, Hà Nội
Ngày 19/06/2009	Thành viên hệ thống đăng ký giao dịch của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội)
Ngày 20/07/2009	Triển khai hệ thống Core chứng khoán SBS và kết nối giao dịch trực tuyến với HOSE
Ngày 22/09/2009	Cổ phiếu của Công ty lên sàn UpCom với mã cổ phiếu SVS
Ngày 08/02/2010	Một trong các Công ty Chứng khoán đầu tiên chính thức kết nối giao dịch trực tuyến với HNX.
Ngày 07/07/2010	Cổ phiếu của công ty với mã giao dịch SVS chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

III. Định hướng phát triển

Định hướng phát triển thành một trong các công ty chứng khoán uy tín về thương hiệu, mạnh về tiềm lực tài chính trong vòng 5 năm tới.

Những nội dung cơ bản để thực hiện định hướng như sau:

- Thực hiện phân cấp và phân bổ nguồn lực phù hợp trên cơ sở mục tiêu kinh doanh
- Tập trung xây dựng và phát triển khối kinh doanh môi giới;



- Phát triển dịch vụ Ngân hàng đầu tư;
- Phát triển dịch vụ tư vấn đầu tư và quản lý danh mục đầu tư;
- Nâng cao hiệu quả hệ thống công nghệ;
- Hoàn thiện công tác tổ chức và nhân sự ohuf hợp với định hướng phát triển của Công ty.

PHẦN II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. Kết quả hoạt động năm 2010

1. Những nét nổi bật của hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2010:

■ Về công tác chỉ đạo hoạt động chung

Trên cơ sở định hướng phát triển của Công ty, theo đề xuất của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị đã tiến hành:

- Thành lập Phòng Quản lý rủi ro gồm có 3 bộ phận: Kiểm soát nội bộ; Quản lý rủi ro; Pháp chế nhằm tăng cường công tác quản trị rủi ro và nâng cao công tác giám sát các hoạt động chung.
- Ban hành các quy chế thuộc thẩm quyền của của Hội đồng quản trị như: Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế thi đua khen thưởng. Đồng thời chỉ đạo Ban Điều hành ban hành các quy trình và quy định liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm đảm bảo an toàn trong các hoạt động và phòng ngừa rủi ro, như Quy trình Hợp tác kinh doanh, Quy trình quản lý rủi ro, Quy định quản lý sử dụng xe ô tô....
- Tiếp tục công tác cải cách về tổ chức, nhân sự và tiền lương nhằm thu hút đội ngũ nhân sự có chất lượng đóng góp cho hoạt động chung của toàn Công ty.
- Hàng tháng, quý, Hội đồng quản trị đều yêu cầu Ban Điều hành cập nhật, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh và thực hiện nhiệm vụ công tác. Đồng thời báo cáo Hội đồng quản trị và đề xuất phương hướng xử lý kịp thời.
- Tổ chức đưa cổ phiếu Công ty chính thức được giao dịch tại thị trường niêm yết của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

■ Về hoạt động của Hội đồng quản trị

- Căn cứ Điều lệ và quy chế hoạt động, trong năm 2010, Hội đồng quản trị đảm bảo họp định kỳ hàng quý.
- Tại các cuộc họp, Hội đồng quản trị đều kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, đồng thời ra nghị quyết để chỉ đạo các nhiệm vụ cụ thể.
- Các thành viên trong Hội đồng quản trị có trách nhiệm bố trí thời gian tham dự, trường hợp bận không tham dự được đều ủy quyền cho thành viên khác tham dự và đóng góp ý kiến tại cuộc họp.
- Chủ tịch HĐQT bố trí thời gian làm việc định kỳ với Ban Điều hành, Trưởng các phòng ban, đơn vị để nắm bắt tình hình và có ý kiến chỉ đạo.

2. Kết quả kinh doanh năm 2010 so với kế hoạch đề ra:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch
1	Doanh thu	42.162.367.605	14,6%
1.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	10.682.421.795	

1.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, hợp tác kinh doanh	18.594.230.579	
1.3	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	18.672.578	
1.4	Doanh thu hoạt động tư vấn	2.145.035.705	
1.5	Doanh thu lưu ký chứng khoán	166.545.458	
1.6	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		
1.7	Doanh thu khác	10.291.473.866	
1.8	Thu nhập khác	263.987.624	
2	Chi phí	63.534.865.412	26,1%
2.1	Chi phí hoạt động kinh doanh	43.480.220.638	
2.2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.013.601.895	
2.3	Chi phí khác	41.042.879	
3	Tổng lợi nhuận	-21.372.497.807	-49,2%

II. Phương hướng nhiệm vụ năm 2011

Năm 2011 dự báo thị trường chứng khoán, tài chính và kinh tế trong nước tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Có được bài học kinh nghiệm trong năm 2010, Hội đồng quản trị thực hiện hai nhiệm vụ song song, đó là quản trị thực hiện để đạt được mục tiêu kinh doanh năm 2011, đồng thời quản trị triển khai thực hiện các nhiệm vụ chiến lược nhằm tạo tiền đề và điều kiện để phát triển Công ty trong thời gian tới.

Để đạt được những mục tiêu trên, trong năm 2011, Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm sau:

1. Quản trị sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hiện có:

- Ưu tiên sử dụng nguồn vốn hiện có vào các hoạt động chính, ưu thế của Công ty nhằm tận dụng được thế mạnh trong ngành xây lắp, bất động sản. Mục tiêu lấy lại thị phần trong ngành này nhất là khối doanh nghiệp Tập đoàn Sông Đà với thị phần trên 65% để làm cơ sở phát triển rộng các dịch vụ tài chính chứng khoán trong lĩnh vực bất động sản các năm sau đó.
- Thực hiện tốt việc quản lý tài chính, tăng cường công tác quản trị, kiểm tra, kiểm soát.

2. Tiếp tục tham gia và thực hiện đổi mới tổ chức, quản lý nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Tăng cường hơn nữa mối quan hệ, hợp tác giữa Hội đồng quản trị và Ban Điều hành. Cử đại diện thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách tham gia vào các hoạt động tại Công ty, giúp cho các hoạt động của Công ty được linh hoạt, chủ động hơn.
- Giao cho Ban Điều hành Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh, thực hiện kế hoạch trên cơ sở khả năng phát triển tương ứng với nguồn lực đang có. Sẵn sàng hỗ trợ để Ban điều hành hoạt động có hiệu quả cao hơn.
- Nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động, tiếp tục rà soát các quy chế, quy định trong quản lý, điều hành ở Công ty. Trên cơ sở đó, sửa đổi, bổ sung hợp lý nhằm nâng cao tính linh hoạt và chuyên nghiệp trong các hoạt động. Đánh giá năng lực đội ngũ nhân lực để sắp xếp, bố trí hợp lý, phân công, phân nhiệm rõ ràng.
- Thực hiện chế độ tuyển dụng, đào tạo cán bộ, đặc biệt là cán bộ cao cấp, quản lý điều hành nhằm bổ sung nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

3. Quản trị chiến lược phát triển Công ty

Báo cáo thường niên năm 2010 – Công ty CP Chứng khoán Sao Việt

- Tiếp tục nghiên cứu phát triển Công ty theo hướng tăng nguồn lực tài chính bằng cách tìm kiếm đối tác, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn cho Công ty nhằm tăng năng lực tài chính và hỗ trợ cho việc tái cấu trúc các hoạt động nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của Công ty.
- Tái cấu trúc lại toàn bộ hoạt động của Công ty, tinh giản nhân sự, tiết kiệm chi phí nhằm đảm bảo Công ty hoạt động hiệu quả, đem lại lợi ích cao nhất cho các Cổ đông.
- Nghiên cứu phương án tái cấu trúc hoạt động của Chi nhánh TP Hồ Chí Minh nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và nguồn lực tài sản tại Chi nhánh.
- Huy động sự ủng hộ, đóng góp của cổ đông, đặc biệt là cổ đông tổ chức và cổ đông lớn trong các hoạt động của Công ty.

PHẦN III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. Báo cáo tình hình tài chính

1. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2010
1	Khả năng thanh toán	
	- Khả năng thanh toán ngắn hạn (lần)	3.43
	- Khả năng thanh toán nhanh (lần)	3.43
2	Cơ cấu vốn	
	- Hệ số nợ/Tổng tài sản	0.22
	- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0.27
3	Chỉ tiêu năng lực hoạt động	
	- Vòng quay tổng tài sản (DT thuần/Tổng TS bq)	0.14
	- Vòng quay TSCĐ (DT thuần/TSCĐ bq)	4.87
4	Khả năng sinh lời	
	- LN sau thuế/DT thuần (%)	-51.01%
	- LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	-12.05%
	- LN sau thuế/Tổng tài sản (%)	-9.45%
5	Chỉ tiêu vốn cổ phần	
	- Thu nhập trên mỗi cổ phần (nghìn đồng/cp)	-
	- Giá trị sổ sách (nghìn đồng/cp)	13,140

2. Những thay đổi về vốn cổ đông

STT	Diễn giải	Năm 2009	Năm 2010
1	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13,500,000	13,500,000
2	Số lượng cổ phiếu quỹ	0	0
3	Cổ tức phân chia cho cổ đông	0	0

- Vốn cổ đông: 135 tỷ đồng (tương ứng 13,500,000 cổ phần thường), không thay đổi trong năm 2010
- Trái phiếu đang lưu hành: 0

II. Báo cáo chi tiết hoạt động kinh doanh

1. Hoạt động Tư vấn tài chính

- Trong năm 2010, hai hoạt động cốt lõi của Tư vấn VSSC là hoạt động Tư vấn niêm yết và Tư vấn phát hành tăng vốn đã giữ vững và tiếp tục duy trì thị phần trong điều kiện thị trường chứng khoán đi ngang và rất khó khăn về cuối năm.

- Các hoạt động Quản lý số cổ đông và Xây dựng báo cáo thường niên, Tổ chức đấu giá đạt thấp chủ yếu do chi nhánh HCM chưa đạt kế hoạch đề ra, hơn nữa sự sụt giảm doanh thu trong các hoạt động này là do mức phí tư vấn ngày càng thấp đi bởi sự cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán ngày càng khốc liệt.
- Hoạt động tư vấn doanh nghiệp lên sàn UpCom đạt thấp do nguyên nhân chủ yếu các doanh nghiệp không nhiệt tình tham gia vì giao dịch tại UpCom thanh khoản chưa cao.
- Hoạt động Tư vấn niêm yết của VSSC năm 2010 cũng đã có tăng trưởng và mở rộng thị phần, mang lại 696,3 triệu đồng doanh thu, gấp 5 lần so với năm 2009.
- Hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp: năm 2010 Tư vấn Hội sở đã ký được một hợp đồng tư vấn phát hành trái phiếu cho S96 với trị giá hợp đồng dự kiến 4,6 tỷ đồng. Tuy nhiên, do nguyên nhân biến động vĩ mô làm ảnh hưởng đến lãi suất trái phiếu cũng như thủ tục pháp lý của dự án khiến việc triển khai thực hiện hợp đồng không theo đúng tiến độ.

2. Hoạt động dịch vụ Môi giới

- Tổng số tài khoản mở mới trong năm 2010 của toàn công ty gần 1.000 tài khoản, xấp xỉ 100% kế hoạch năm. Tuy nhiên doanh thu phí Môi giới đạt chưa tới 50% so với kế hoạch và chỉ bằng khoảng 70% so với năm 2009.
- Về tổ chức, đã tiến hành tách Khối môi giới làm hai bộ phận bao gồm Bộ phận kinh doanh (Tư vấn Đầu tư) và Bộ phận hỗ trợ (bộ phận giao dịch và hỗ trợ). Từ tháng 9/2010 đã áp dụng cơ chế lương gắn doanh thu môi giới với thu nhập của bộ phận kinh doanh nhằm đẩy mạnh hoạt động phát triển khách hàng. Tuy nhiên do ảnh hưởng xấu từ thị trường, cũng như nhân sự đội ngũ Tư vấn Đầu tư bước đầu còn mỏng nên hạn chế trong công tác chăm sóc khách hàng hiện có cũng như phát triển khách hàng mới.
- Trong năm 2010, đã tổ chức dịch vụ mới như hợp tác kinh doanh, các sản phẩm hỗ trợ tài chính, nhờ đó đem lại nguồn thu hơn 5 tỷ đồng, đóng góp vào doanh thu chung toàn công ty.
- Về thị phần của VSSC còn khá khiêm tốn so với thị trường (0,46% về giá trị và 0,44% về khối lượng giao dịch). Một trong những nguyên nhân thị phần thấp do công tác phát triển khách hàng kém, nguồn vốn của VSSC còn hạn chế, các sản phẩm dịch vụ nghèo nàn.
- Việc phối hợp với ngân hàng trong công tác phát triển sản phẩm dịch vụ mới còn nhiều hạn chế, hai ngân hàng kết nối với VSSC là OCB và BIDV chưa quan tâm nhiều đến việc kết hợp với Công ty Chứng khoán để phát triển dịch vụ gia tăng cho khách hàng.

3. Hoạt động Phân tích và Tự doanh chứng khoán

Hoạt động phân tích được chú trọng và nâng cao hơn so với năm 2009. Trong năm 2010 đã thường xuyên tổ chức phân tích, nhận định kinh tế và thị trường chứng khoán để đánh giá xu hướng vận động của thị trường; Phân tích, định giá các cổ phiếu có yếu tố cơ bản tốt làm căn cứ xem xét đầu tư. Đồng thời hỗ trợ hiệu quả công tác tư vấn doanh nghiệp thể hiện qua việc đưa ra các báo cáo định giá chuyên sâu phục vụ tư vấn Suricorp, Composit,

SIC, Thép Sông Đà, Mía đường Kiên Giang và Cà Mau, HUD4 và một số mã cổ phiếu thuộc Tổng công ty IDICO.

Hoạt động đầu tư trong năm 2010 không đạt yêu cầu đề ra. Lỗ trong hoạt động đầu tư năm 2010 khoảng 18 tỷ đồng (chủ yếu do trích lập dự phòng). Nguyên nhân của việc lỗ đầu tư trong năm 2010 chủ yếu do:

- Tỷ trọng đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và OTC lớn so với Tổng vốn/Tổng tài sản của Công ty. Chính tỷ trọng lớn khiến cho sự biến động của thị trường chứng khoán tác động mạnh đến các chỉ tiêu lợi nhuận, chỉ tiêu hoạt động kinh doanh và kế hoạch năm 2010 của cty.
- Nguồn lực tài chính trong đầu tư vào các danh mục bị phân tán khiến cho việc theo dõi, chi đạo chưa được sát sao, kịp thời và đúng lúc.
- Việc tuân thủ kỷ luật chốt lời/cắt lỗ trong đầu tư chưa nghiêm túc. Việc nhận định, đánh giá thị trường còn chưa sát với diễn biến thực tế, chưa quyết liệt trong việc thuyết phục Hội đồng quản trị, Hội đồng đầu tư trong việc tuân thủ nguyên tắc đầu tư chứng khoán.

4. Công tác tổ chức hành chính

Năm 2010, công tác hành chính quản trị đã dần đi vào nề nếp, ổn định hơn so với năm 2009. Các văn bản phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ban lãnh đạo được khẩn trương xây dựng và ban hành theo yêu cầu quản lý. Một số hoạt động, nghiệp vụ chuyên môn được thực hiện đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của Công ty, cụ thể như Quy chế chỉ tiêu nội bộ, Quy định về quản lý và sử dụng xe ô tô...

Về công tác tổ chức và nhân sự: Trên cơ sở kế hoạch nhân sự đã được phê duyệt, trong năm đã tiến hành:

- Thành lập mới Phòng QLRR;
- Bổ nhiệm: 01 Giám đốc Chi nhánh, 01 Phó phòng, 03 Trưởng bộ phận tại Hội sở và 01 Trưởng phòng, 01 Phó phòng, 01 Trưởng bộ phận tại Chi nhánh.
- Về chính sách và cơ chế tiền lương: đã từng bước hoàn thiện theo hướng tiền lương gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh của từng bộ phận kinh doanh và của toàn Công ty.
- Công tác đào tạo được quan tâm nhiều hơn, tạo điều kiện về thời gian và kinh phí để CBNV tham gia một số chương trình học, khóa đào tạo ngắn hạn như bổ sung hoàn thiện các chứng chỉ liên quan đến hành nghề chứng khoán, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng lãnh đạo cho các cán bộ trong Ban lãnh đạo, hội thảo về “Chiến lược M&A cho doanh nghiệp Việt”....

5. Công tác Kế toán tài chính

Hoạt động kế toán tài chính là nhiệm vụ được Ban Điều hành quan tâm sát sao nhằm đảm bảo an toàn tài chính cho các hoạt động của Công ty.

Trong điều kiện nguồn vốn của Công ty còn rất hạn chế, bên cạnh đó thị trường luôn biến động khó dự đoán dẫn tới nhu cầu vốn hỗ trợ đối với từng hoạt động của Công ty cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Để vừa đảm bảo an toàn tài chính của công ty, vừa hỗ trợ tối đa cho các hoạt động dịch vụ đáp ứng yêu cầu của khách hàng, Ban Điều hành đã chỉ đạo thực hiện việc cân đối nguồn và phân bổ nguồn cho các hoạt động kinh doanh được tổ chức

hàng ngày, tuần, tháng đối với từng hoạt động nghiệp vụ, đồng thời đã phối hợp với các tổ chức, cá nhân trong việc thu xếp nguồn bổ sung để hỗ trợ và cung cấp các dịch vụ tài chính cho khách hàng đã giúp cho Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh toán cũng như khả năng cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

Ngoài ra, công tác quản trị chi phí được tiến hành triệt để nhằm hạn chế tối đa các chi phí không cần thiết, kém hiệu quả, giúp Công ty vượt khó trong điều kiện thị trường khó khăn, kinh doanh không đạt yêu cầu kế hoạch đề ra.

6. Công nghệ thông tin

Trong năm 2010, hệ thống CNTT của Công ty hoạt động ổn định, liên tục, từng bước đáp ứng các nhu cầu nghiệp vụ của Công ty cũng như yêu cầu dịch vụ của khách hàng:

- Quản trị, vận hành và dự phòng sao lưu dữ liệu định kỳ. Tinh chỉnh, tối ưu Cơ sở dữ liệu định kỳ nhằm tăng hiệu năng đáp ứng của hệ thống.
- Xây dựng đầy đủ hệ thống dự phòng (backup) cho toàn bộ hệ thống CNTT với việc tận dụng nguồn máy chủ sẵn có:

Hệ thống giao dịch: Phần mềm đặt lệnh và quản lý giao dịch SBS-SFS; Cổng kết nối Sở GDCK: HOSEGateway-Gate2HNX; Cổng kết nối ngân hàng BIDV-OCB: BankGateway; Hệ thống đặt lệnh giao dịch trực tuyến Online Trading;

Hệ thống thông tin: Cổng thông tin điện tử (Website), Bảng giá trực tuyến, hệ thống Cơ sở dữ liệu;

Hệ thống đường truyền: Internet – đặt lệnh trực tuyến, kết nối Sở GDCK HOSE-HNX, kết nối Trung tâm lưu ký, kết nối ngân hàng BIDV-OCB, kết nối Chi nhánh Hồ Chí Minh.

Thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng tất cả các dự án theo yêu cầu quản lý, nâng cấp của Các cơ quan quản lý (Sở GDCK Hồ Chí Minh, Sở GDCK Hà Nội, Trung tâm lưu ký chứng khoán, Ủy ban chứng khoán nhà nước):

- Triển khai Kết nối giao dịch trực tuyến (không sàn) với Sở GDCK Hà Nội (SVS là một trong những công ty chứng khoán đầu tiên).
- Triển khai giải pháp mã hóa sử dụng SSL Certificates chứng thực và bảo mật, bảo hiểm bởi hãng VeriSign lên hệ thống đặt lệnh trực tuyến trên Internet - Online Trading (Đáp ứng yêu cầu bảo mật theo Thông tư số 50/TT-BTC của Bộ Tài chính).
- Hệ thống giao dịch chứng khoán của Công ty so với các công ty cùng khối sử dụng phần mềm của đối tác VSSD luôn cập nhật đầu tiên và sớm đưa vào sử dụng các chức năng mới. So với các công ty chứng khoán lớn trên thị trường, VSSC có đầy đủ các dịch vụ cạnh tranh về Giao dịch trực tuyến. Tuy nhiên hệ thống hạ tầng của Công ty hiện chỉ đáp ứng đủ cho số lượng khách hàng hiện tại và sẽ gặp hạn chế nếu số lượng tăng cao.

7. Hoạt động Kiểm soát nội bộ

Năm 2010 được đánh giá là năm “bản lề” của hoạt động kiểm soát nội bộ, với một số công tác trọng tâm sau:

- Thực hiện công tác giám sát việc tuân thủ nghiêm túc nội quy, quy chế và quy trình nghiệp vụ, đặc biệt là việc tuân thủ các văn bản quy phạm pháp luật của tất cả cán bộ nhân viên Công ty.
- Thực hiện việc kiểm toán nội bộ báo cáo tài chính theo đúng kế hoạch đã đề ra để đảm bảo tính chính xác và phù hợp của số liệu kế toán so với chế độ kế toán và các chuẩn mực kế toán đã ban hành.
- Theo dõi và giám sát việc quản lý tiền và tài sản của nhà đầu tư tách bạch với tiền và tài sản của Công ty.
- Sửa đổi, bổ sung các quy trình còn thiếu hoặc không phù hợp nhằm đáp ứng quy định của pháp luật và phù hợp với đặc thù hoạt động nghiệp vụ của Công ty.
- Xây dựng “Chính sách quản lý rủi ro của Công ty” và một số Quy trình quản lý rủi ro đối với các hoạt động nghiệp vụ như: Quy trình quản lý rủi ro đối với nghiệp vụ môi giới; Quy trình quản lý rủi ro hoạt động hợp tác kinh doanh chứng khoán; Quy trình thực hiện hợp tác kinh doanh T+; Quy trình quản lý rủi ro hoạt động hợp tác kinh doanh T+; Quy trình quản lý rủi ro chung cho hoạt động Môi giới.
- Lập đầy đủ, chính xác và kịp thời các loại báo cáo theo quy định.

III. Các tồn tại và hạn chế trong thực hiện kế hoạch kinh doanh 2010

3.1 Hạn chế trong xây dựng kế hoạch

Do kết quả kinh doanh năm 2009, đặc biệt là kết quả kinh doanh của hoạt động đầu tư Công ty đạt kết quả tốt dẫn tới công tác xây dựng kế hoạch năm 2010 khá lạc quan so với thực tế thị trường.

Với mục tiêu hoạt động đầu tư là chủ đạo đem lại lợi nhuận cho Công ty năm 2010, ngay từ đầu năm 2010, Công ty đã tập trung nguồn lực cho hoạt động đầu tư. Tuy nhiên, hoạt động đầu tư lại là hoạt động khó khăn nhất trong năm 2010, hiệu quả đầu tư kém dẫn tới ảnh hưởng đến kết quả thực hiện kế hoạch chung toàn Công ty trong năm 2010.

Việc xây dựng kế hoạch chưa dự báo hết được những khó khăn của thị trường chứng khoán trong và ngoài nước nói riêng, tình hình kinh tế vĩ mô nói chung. Do đó, khi thị trường diễn biến xấu đã không điều chỉnh kịp thời, dẫn tới khoảng cách quá xa giữa kế hoạch và thực tế thực hiện, từ đó tạo áp lực đối với các đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện.

3.2 Hạn chế trong thực hiện

- Về mặt tổ chức của Công ty
- Việc điều chỉnh nhân sự tại Hội sở và CN HCM chậm, không theo kịp với hoạt động tổ chức kinh doanh.
- Chất lượng nhân sự về cơ bản chưa đáp ứng được các hoạt động kinh doanh. Cụ thể: thiếu tính chuyên nghiệp, yếu về dịch vụ tài chính, phát triển sản phẩm, quản lý rủi ro; chưa có tư duy trong kinh doanh, còn bảo thủ, chưa thực sự có nhận thức đúng về việc xây dựng và phát triển đơn vị theo hướng một tổ chức kinh doanh dịch vụ chứng khoán.
- Chưa kịp thời bổ sung lãnh đạo cấp cao; thiếu nhân sự có năng lực, nhân sự có khả năng làm việc độc lập và lãnh đạo đơn vị, bộ phận (Chi nhánh HCM, Đầu tư, đào tạo, dịch vụ chứng khoán, quản lý rủi ro, marketing, quản trị tài chính).
- Cơ chế lương, chế độ chính sách chưa có sự thay đổi so kịp thời với tình hình chung thị trường.
- Cơ cấu tổ chức chưa có sự thay đổi theo kịp nhu cầu kinh doanh.

- Về hoạt động kinh doanh dịch vụ
 - Công tác đầu tư thiếu chuyên nghiệp, chưa có chiến lược trong hoạt động đầu tư; chỉ đạo hoạt động đầu tư chưa nhất quán.
 - Nguồn vốn của Công ty rất hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển khách hàng, trong khi đó việc phân bổ nguồn chưa hợp lý, thiếu dự báo, dự phòng; khả năng tiếp cận nguồn lớn như Ngân hàng, các tổ chức tài chính chuyên nghiệp hạn chế và thiếu chủ động.
 - Ngoại trừ khối Tư vấn tài chính duy trì và mở rộng được thị phần do nhân sự ổn định, chủ động và kiên trì trong công tác phát triển khách hàng mới, mảng kinh doanh mỗi giới hạn như sụt giảm mạnh.
 - Công tác chăm sóc khách hàng còn yếu, không bám sát định hướng của Công ty; việc phát triển khách hàng không theo định hướng, thị phần bị thu hẹp do Chi nhánh HCM hoạt động không ổn định; không phát triển thêm được mạng lưới mới trong năm 2010.
- Về hoạt động hỗ trợ
 - Công nghệ phần back tạm ổn, tuy nhiên phần hướng tới khách hàng không có tính cạnh tranh, thiếu công cụ cho việc tư vấn và phát triển khách hàng nên không thu hút được khách hàng.
 - Sản phẩm phân tích chậm được xây dựng, ảnh hưởng tới phát triển khách hàng và thương hiệu Công ty.
 - Việc phối hợp giữa hoạt động kinh doanh với công tác quản lý rủi ro không hiệu quả do chưa chuyên nghiệp, thiếu chủ động cũng ảnh hưởng đến phát triển kinh doanh của Công ty.
 - Việc triển khai hoạt động quản lý rủi ro mới chỉ với các quy trình nghiệp vụ trong công ty mà chưa gắn liền với chiến lược kinh doanh và kế hoạch kinh doanh hàng năm.
 - Định hướng, chiến lược cho hoạt động pháp chế chưa thực sự rõ ràng.

II. Định hướng và kế hoạch kinh doanh năm 2011

1. Kế hoạch kinh doanh và nhiệm vụ công tác 2011

Trên cơ sở đánh giá hoạt động 2010, nhận diện thị trường và những thuận lợi, khó khăn của Công ty trong năm 2011, Ban Tổng Giám đốc xin trình Đại hội đồng cổ đông định hướng nhiệm vụ công tác và kế hoạch kinh doanh năm 2011 của Công ty như sau:

Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2011

Đơn vị: triệu đồng

CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH	Năm 2011	Năm 2010	Tỷ lệ KH/TH 2010
1. Doanh thu	40.000	42.162	94,8%
2. Chi phí hoạt động kinh doanh	13.300	43.480	30,6%
3. Lợi nhuận gộp hoạt động KD	26.700	(1.582)	-
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.200	20.013	76,0%
5. Lợi nhuận trước thuế	11.500	(21.372)	-

Dự kiến kế hoạch đầu tư trong năm 2011: khoảng 04 tỷ đồng, trong đó

- Đầu tư văn phòng trụ sở mới: **3 tỷ đồng**
- Đầu tư nâng cấp hệ thống: **1 tỷ đồng**

2. Nhiệm vụ công tác cụ thể năm 2011

Nhiệm vụ năm 2011 nói chung gồm các nội dung cụ thể sau.

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo định hướng kinh doanh mới; tinh giảm nhân sự theo hướng giảm nhân sự các phòng ban hỗ trợ, tăng cường phòng ban kinh doanh nhất là bộ phận phân tích-đầu tư và tư vấn tài chính nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Bổ sung thêm nghiệp vụ ngân hàng đầu tư và tư vấn đầu tư – quản lý danh mục nhằm tận dụng được thế mạnh trong ngành xây lắp, bất động sản. Mục tiêu lấy lại thị phần trong ngành này nhất là khối doanh nghiệp Tập đoàn Sông Đà với thị phần trên 65% để làm cơ sở phát triển rộng các dịch vụ tài chính chứng khoán trong lĩnh vực bất động sản các năm sau đó. Các công việc chi tiết như sau:

2.1. Thực hiện phân cấp và phân bổ nguồn lực trên cơ sở mục tiêu kinh doanh

- *Phân cấp để tạo sự chủ động trong kinh doanh của các Phòng/Đơn vị*
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, xây dựng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn các phòng/ban, đơn vị theo hướng phân cấp tối đa để tạo sự chủ động trong hoạt động của các phòng/ban, đơn vị thuộc Công ty.
- Xem xét và trình Hội đồng quản trị phương án tái cấu trúc hoạt động Chi nhánh Hồ Chí Minh để tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả kinh doanh toàn Công ty.
- Thực hiện giao cho Trưởng các phòng thuộc Khối Kinh doanh chủ động trong việc sử dụng nhân lực nhằm thực hiện và hoàn thành mục tiêu kế hoạch kinh doanh đề ra.
- Trên cơ sở đã được Tổng Giám đốc phân cấp, Trưởng các phòng/ban, đơn vị chủ động trong việc phối kết hợp và hỗ trợ lẫn nhau trong các hoạt động.
- *Phân bổ nguồn lực để gắn hiệu quả kinh doanh với an toàn hoạt động*
- Tiến hành phân bổ và giao quyền sử dụng nguồn vốn một cách hợp lý trên cơ sở mục tiêu kinh doanh của từng mảng hoạt động Môi giới/Tư vấn/Đầu tư nhằm sử dụng vốn có hiệu quả.
- Việc phân bổ nguồn vốn, gắn chi phí vốn với kết quả kinh doanh ngoài việc giúp cho sử dụng vốn được hiệu quả còn giúp cho công tác quản lý, phân bổ nguồn vốn được linh hoạt và kiểm soát được các rủi ro thanh toán của Công ty, đồng thời khuyến khích các bộ phận hoạt động đạt hiệu quả cao nhất.

2.2. Xây dựng các chương trình phát triển kinh doanh môi giới

- Tổ chức phân loại khách hàng, qua đó xây dựng chương trình chăm sóc và phát triển khách hàng, xây dựng chương trình tư vấn đầu tư khách hàng và lên kế hoạch tiếp xúc hợp tác tư vấn đầu tư cho các khách hàng đã được phân loại.
- Đối với các khách VIP có đóng góp tỷ trọng lớn cho hoạt động sẽ được phục vụ các dịch vụ đầy đủ nhất như: đôn bầy tài chính, công cụ phái sinh, được tham gia các cơ hội đầu tư từ hoạt động ngân hàng đầu tư, được nhận các báo cáo khuyến nghị phân tích đầu tư...
- + Xây dựng chương trình phát triển về mạng lưới khách hàng.
- + Xây dựng chương trình tổ chức tiếp xúc khách hàng nhằm giới thiệu sản phẩm.
- + Chủ động tìm kiếm và phát triển nguồn hỗ trợ tín dụng cho khách hàng.
- + Nghiên cứu phát triển các dịch vụ hỗ trợ giao dịch chứng khoán.
- + Tổ chức và làm tốt công tác quản trị rủi ro trong các hoạt động hợp tác kinh doanh với khách hàng.

2.3. Phát triển dịch vụ ngân hàng đầu tư

- Xây dựng chương trình tiếp tục duy trì thị phần và các quan hệ với khách hàng hiện hữu. Đẩy nhanh tiến độ các hợp đồng đã ký.
- Xây dựng chương trình phát triển thị trường tại các Tổng Công ty và Tập đoàn lớn, có tiềm năng thông qua tiếp xúc, gặp gỡ, trao đổi và tổ chức hội thảo.

- Xây dựng chương trình mở rộng địa bàn hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp tại tất cả các thành phố lớn trong cả nước, khai thác triệt để tiềm năng các doanh nghiệp địa phương.
 - Tăng cường công tác phân tích nghiên cứu thị trường, phân tích doanh nghiệp nhằm hỗ trợ và phát triển dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp, dịch vụ ngân hàng đầu tư của Công ty.
- 2.4 Phát triển dịch vụ tư vấn đầu tư và quản lý danh mục đầu tư.**
- Trên cơ sở hoàn thiện bộ phận phân tích đầu tư theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả tiến hành xây dựng sản phẩm giới thiệu cho các tổ chức và cá nhân đối với dịch vụ tư vấn đầu tư và quản lý danh mục đầu tư tại tài khoản của khách hàng.
- 2.5. Nâng cao hiệu quả hệ thống công nghệ**
- Nâng cấp hệ thống Back, nhằm đáp ứng các chức năng tự động online ngân hàng, kết nối kế toán, báo cáo quản trị...
 - Nâng cấp online hệ thống giao dịch, phát triển thêm các công cụ, dịch vụ trực tuyến.
 - Mã hóa đường truyền, bảo đảm an toàn số liệu.
 - Bổ sung thêm máy chủ, các thiết bị định tuyến, máy chiếu, máy tính cá nhân, dự phòng để phục vụ bảo đảm an toàn và nâng cao hiệu suất giao dịch qua internet, giao dịch tại sàn, ..
- 2.6. Về công tác tổ chức và nhân sự**
- **Công tác tổ chức**
 - Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức của Công ty theo báo cáo chiến lược và định hướng hoạt động đã trình HĐQT phê duyệt..
 - Phân cấp triệt để tới Phòng ban, đơn vị. Gắn hiệu quả công tác với trách nhiệm được giao và phân cấp.
 - Thành lập khối Ngân hàng đầu tư trên cơ sở Phòng Tư vấn và bổ sung nghiệp vụ Ngân hàng đầu tư.
 - Tái cấu trúc Phòng Phân tích và Đầu tư, chuyên nghiệp hóa công tác phân tích cũng như hoạt động đầu tư tự doanh nhằm đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.
 - Tách và bổ sung thêm Bộ phận Nguồn vốn thuộc phòng Kế toán.
 - **Công tác nhân sự**
 - Kiện toàn và bổ sung Ban Tổng giám đốc, Ban điều hành Công ty. Ban Giám đốc gồm có: Tổng Giám đốc, 02 Phó TGD và 01 Giám đốc ngân hàng đầu tư. Hiện Ban Giám đốc gồm có Tổng Giám đốc, 01 Phó TGD phụ trách khối hỗ trợ và 01 Giám đốc chi nhánh.
 - Tinh giản nhân sự một số phòng ban; bổ sung nhân sự chủ yếu vào Ban Điều hành và nhóm kinh doanh. Quy mô nhân sự toàn Công ty dự kiến khoảng 40 người.
 - Tổ chức cho CBNV hoàn thiện chứng chỉ hành nghề, đảm bảo 50% nhân viên Công ty có đủ chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo quy định..
 - **Xây dựng cơ chế lương, thưởng cho phù hợp tình hình mới, tiến tới tiền lương theo thỏa thuận và gắn thu nhập với kết quả kinh doanh, hiệu quả công việc.**
- 2.7 Về công tác tài chính**
- Đối với nguồn vốn làm dịch vụ: Tăng cường dùng nguồn vốn vay để phục vụ cho khách hàng.
 - Nguồn vốn chủ sở hữu chủ yếu dùng để đầu tư và hỗ trợ cho hoạt động ngân hàng đầu tư.
 - Định hướng tăng vốn điều lệ 2011 – 2012:
Năm 2011 đề xuất tăng vốn điều lệ 65 tỷ đồng từ 135 tỷ lên 200 tỷ cho đối tác chiến lược có đóng góp với hoạt động của Công ty trong thời gian tới với giá tối thiểu bằng mệnh giá.

Từ năm 2012 sẽ tăng vốn lên 300 tỷ đảm bảo đầy đủ nghiệp vụ bảo lãnh chứng khoán theo hình thức phù hợp.

PHẦN IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính năm 2010 của công ty bao gồm: 1) Bảng cân đối kế toán; 2) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; 3) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; 4) Thuyết minh báo cáo tài chính.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MS	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		166,507,209,181	283,318,836,984
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	37,641,712,826	58,561,275,233
111	1. Tiền		25,641,712,826	9,561,275,233
112	2. Các khoản tương đương tiền		12,000,000,000	49,000,000,000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	55,245,889,458	36,174,413,796
121	1. Đầu tư ngắn hạn		71,697,665,871	38,400,724,395
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(16,451,776,413)	(2,226,310,599)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		71,755,018,993	188,026,282,883
131	1. Phải thu của khách hàng		1,789,280,120	1,871,377,558
132	2. Trả trước cho người bán		631,627,496	564,507,601
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	6	11,416,065,550	20,169,590,608
138	5. Các khoản phải thu khác	7	58,222,545,827	165,725,307,116
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(304,500,000)	(304,500,000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1,864,587,904	556,865,072
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		254,248,732	70,957,178
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		734,260,810	-
154	4. Tài sản ngắn hạn khác		876,078,362	485,907,894
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		59,540,109,285	107,670,235,968

Báo cáo thường niên năm 2010 – Công ty CP Chứng khoán Sao Việt

220	II.	Tài sản cố định		10,741,607,976	6,447,537,040
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	8	2,136,597,201	3,755,546,847
222	-	Nguyên giá		8,519,324,751	8,331,587,751
223	-	Giá trị hao mòn lũy kế		(6,382,727,550)	(4,576,040,904)
227	3.	Tài sản cố định vô hình	9	1,947,730,775	2,691,990,193
228	-	Nguyên giá		4,388,652,753	3,735,402,753
229	-	Giá trị hao mòn lũy kế		(2,440,921,978)	(1,043,412,560)
230	4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		6,657,280,000	-
250	IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	46,143,950,000	97,473,910,300
253	3.	Đầu tư chứng khoán dài hạn		46,143,950,000	101,204,958,200
259	5.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	(3,731,047,900)
260	V.	Tài sản dài hạn khác		2,654,551,309	3,748,788,628
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	11	511,173,697	1,203,144,581
263	3.	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	12	1,036,497,472	373,468,667
268	4.	Tài sản dài hạn khác		1,106,880,140	2,172,175,380
TỔNG CỘNG TÀI SẢN				226,047,318,466	390,989,072,952

MS	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
300	A.	NỢ PHẢI TRẢ	48,662,668,575	192,231,925,254
310	I.	Nợ ngắn hạn	48,551,716,237	192,106,839,949
312	2.	Phải trả người bán	355,005,583	407,009,161
313	3.	Người mua trả tiền trước	215,000,000	15,000,000
314	4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	528,818,149	976,939,567
315	5.	Phải trả người lao động	101,793,257	1,917,302
316	6.	Chi phí phải trả	1,035,998,332	490,448,903
319	8.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	36,216,728,016	179,519,204,664
320	9.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	11,374,542,195	11,444,498,526
321	10.	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	365,486,600	834,677,721

Báo cáo thường niên năm 2010 – Công ty CP Chứng khoán Sao Việt

323	12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(1,641,655,895)	(1,582,855,895)
330	II.	Nợ dài hạn		110,952,338	125,085,305
333	3.	Phải trả dài hạn khác		56,782,065	56,782,065
336	6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		54,170,273	68,303,240
400	B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU		177,384,649,891	198,757,147,698
410	I.	Vốn chủ sở hữu		177,384,649,891	198,757,147,698
411	1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17	135,000,000,000	135,000,000,000
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần		62,220,000,000	62,220,000,000
418	8.	Quỹ dự phòng tài chính		231,817,946	231,817,946
420	10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(20,067,168,055)	1,305,329,752
440		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		226,047,318,466	390,989,072,952

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
006	6. Chứng khoán lưu ký		339,080,470,000	384,820,250,000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		305,074,440,000	365,240,410,000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		18,027,290,000	25,164,440,000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		286,697,830,000	340,075,970,000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		349,320,000	-
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		20,235,730,000	14,218,760,000
013	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký		-	14,218,760,000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		20,235,730,000	-
015	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài		-	-
022	6.4. Chứng khoán tạm giữ		-	341,080,000
026	- Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác		-	341,080,000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		3,570,300,000	-
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		3,570,300,000	-
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		19,744,190,000	10,824,390,000

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2010

MS	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
01	1. Doanh thu	18	41,898,379,981	69,370,898,191
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		10,682,421,795	14,513,364,130
01.2	18,594,230,579		43,013,708,605	
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		-	2,093,400
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		18,672,578	4,272,200,001
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		2,145,035,705	-
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		166,545,458	395,000,009
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư		-	41,360,000
01.9	Doanh thu khác		10,291,473,866	7,133,172,046
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		41,898,379,981	69,370,898,191
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	19	43,480,220,638	6,092,598,467
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(1,581,840,657)	63,278,299,724
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	20,013,601,895	19,328,262,313
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(21,595,442,552)	43,950,037,411
31	8. Thu nhập khác		263,987,624	466,810,785
32	9. Chi phí khác		41,042,879	3,411,217,204
40	10. Lợi nhuận khác		222,944,745	(2,944,406,419)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(21,372,497,807)	41,005,630,992

51	12.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	-	-
60	14.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(21,372,497,807)	41,005,630,992
70	15.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	(1,583)	3,037

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

MS	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(21,372,497,807)	41,005,630,992
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		3,204,196,064	2,633,546,595
03	Các khoản dự phòng		10,494,417,914	(17,742,205,984)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(11,534,990,870)	(9,469,527,665)
06	Chi phí lãi vay		5,774,905,992	140,183,333
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(13,433,968,707)	16,567,627,271
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		115,832,236,454	(167,555,089,719)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán thương mại		21,764,066,724	(42,624,033,055)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(147,813,337,064)	177,001,487,205
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		508,679,330	2,924,989,076
13	Tiền lãi vay đã trả		(5,774,905,992)	(140,183,333)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1,615,273,138)	-
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5,838,059,243	100,000,000
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(261,843,127) *	(1,091,966,535)

Báo cáo thường niên năm 2010 – Công ty CP Chứng khoán Sao Việt

20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	(24,956,286,277)	(14,817,169,090)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(7,498,267,000)	(2,611,132,622)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	517,836,452
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	11,534,990,870	9,469,527,665
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	4,036,723,870	7,376,231,495
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	45,500,000,000	106,813,850,000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(45,500,000,000)	(106,813,850,000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(20,919,562,407)	(7,440,937,595)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	58,561,275,233	66,002,212,828
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	37,641,712,826	58,561,275,233

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

1 THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103005730 ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo Quyết định cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 33/UBCK-GPHĐKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 của UBCK Nhà nước; Quyết định về việc bổ sung giấy phép thành lập và hoạt động của UBCK Nhà nước số 346/QĐ-UBCK ngày 01/06/2007 và số 102/QĐ-GPĐCCTCK ngày 31/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 6&8 tòa nhà CTM, 299 Cầu Giấy, Q.Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 135.000.000.000 VND (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng). Tương đương 13.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
-----	---------	----------------------------

- Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh Tầng 3A Toà nhà Bến Thành, Môi giới chứng khoán
186-188 Lê Thánh Tôn, Quận 1,
TP HCM

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07	năm
- Phương tiện vận tải	06	năm
- Thiết bị văn phòng	03	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở giá tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31/12/2010.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba Công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2010 đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên và không có được thông tin tình hình tài chính và giá trị sổ sách của các tổ chức phát hành thì sẽ không được trích lập dự phòng tại ngày 31/12/2010.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	12,769,840	576,984,767,650
- Cổ phiếu	12,769,840	576,984,767,650
Của người đầu tư	171,681,846	5,423,449,120,000
- Cổ phiếu	171,681,846	5,423,449,120,000
	184,451,686	6,000,433,887,650

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt tại quỹ	425,702,924	395,114,828
Tiền gửi ngân hàng	872,508,410	1,906,933,238
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	4,617,251	2,790,408
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	24,338,884,241	7,256,436,759
Các khoản tương đương tiền (*)	12,000,000,000	49,000,000,000
	37,641,712,826	58,561,275,233

(*) Số dư tại ngày 31/12/2010 của các khoản tương đương tiền là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn như sau:

- Hợp đồng tiền gửi số 0089.34.001.10 ngày 09/12/2010 tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội, với số tiền là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 16%/năm, kỳ hạn từ ngày 09/12/2010 đến ngày 10/01/2011.

- Hợp đồng tiền gửi số 00101.34.001.10 ngày 31/12/2010 tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội, với số tiền là 10.000.000.000 đồng, lãi suất 14%/năm, kỳ hạn từ ngày 31/12/2010 đến ngày 31/01/2010.

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chứng khoán thương mại	71,697,665,871	38,400,724,395
- Chứng khoán niêm yết	71,697,665,871	38,400,724,395
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(16,451,776,413)	(2,226,310,599)
	55,245,889,458	36,174,413,796
Tình hình đầu tư chứng khoán thương mại		

6 . PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2010	01/01/2010
--	------------	------------

Báo cáo thường niên năm 2010 – Công ty CP Chứng khoán Sao Việt

	VND	VND		
Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	166,065,550	169,590,608		
Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán	11,250,000,000	20,000,000,000		
	11,416,065,550	20,169,590,608		
7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC				
	31/12/2010	01/01/2010		
	VND	VND		
Bảo hiểm xã hội	50,755,749	-		
Phải thu NĐT tiền thiếu mua chứng khoán	7,677,311,983	-		
Phải thu khách hàng chuyển nhượng quyền bán CK	407,600,767	-		
Môi giới đầu tư mua cổ phiếu chưa niêm yết	6,000,000,000	6,000,000,000		
Phải thu các hợp đồng hợp tác kinh doanh	36,557,427,501	123,228,756,000		
Ông Nguyễn Duy Ngọc	3,355,549,946	3,355,549,946		
Ông Nguyễn Anh Tuấn	2,920,000,000	2,920,000,000		
Công ty TNHH Đầu tư - Thương mại Sài Gòn	-	1,530,040,323		
Cổ phiếu Vitranschart	165,950,553	165,950,553		
Phải thu cổ tức	23,424,200	23,424,200		
Phải thu khác	1,064,525,128	28,501,586,094		
	58,222,545,827	165,725,307,116		
8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH				
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	4,414,497,701	1,556,576,019	2,360,514,031	8,331,587,751
Số tăng trong năm	187,737,000	-	-	187,737,000
- Mua sắm mới	187,737,000			187,737,000
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	4,602,234,701	1,556,576,019	2,360,514,031	8,519,324,751
			GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	2,104,065,498	610,941,920	1,861,033,486	4,576,040,904
Số tăng trong năm	978,312,102	339,588,332	488,786,188	1,806,686,622
- Trích khấu hao	978,312,102	339,588,332	488,786,188	1,806,686,622
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3,082,377,600	950,530,252	2,349,819,674	6,382,727,526
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Đầu năm	2,310,432,203	945,634,099	499,480,545	3,755,546,847
Cuối năm	1,519,857,101	606,045,767	10,694,357	2,136,597,225
9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH				

Báo cáo thường niên năm 2010 – Công ty CP Chứng khoán Sao Việt

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND
NGUYỄN GIÁ	
Số dư đầu năm	3,735,402,753
Số tăng trong năm	653,250,000
- Mua sắm mới	653,250,000
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	4,388,652,753
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	1,043,412,560
Số tăng trong năm	1,397,509,418
- Trích khấu hao	1,397,509,418
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	2,440,921,978
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Đầu năm	2,691,990,193
Cuối năm	1,947,730,775

Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2010	Tài sản cố định và trang thiết bị		Tỷ lệ tài sản cố định và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	
135,000,000,000	Nguyên giá	12,907,977,504	0.10
	Khấu hao	(8,823,649,528)	
	Giá trị còn lại	4,084,327,976	0.03

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán dài hạn	46,143,950,000	101,204,958,200
- Chứng khoán chưa niêm yết sẵn sàng để bán	46,143,950,000	101,204,958,200
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	-	(3,731,047,900)
	46,143,950,000	97,473,910,300

(*) Tại ngày 31/12/2010, các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn chưa niêm yết không có giá tham khảo vì vậy Công ty không thực hiện trích lập dự phòng.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí cải tạo nội thất sân	489,065,788	492,386,103
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	577,681,546

Báo cáo thường niên năm 2010 – Công ty CP Chứng khoán Sao Việt

Chi phí sửa lắp đặt mạng máy tính	22,107,909	11,503,060
Chi phí xây dựng phòng giao dịch	-	121,573,872
	511,173,697	1,203,144,581
12 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN		
	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	373,468,667	120,000,000
Tiền nộp bổ sung	605,309,562	253,468,667
Tiền lãi phân bổ trong năm	57,719,243	-
Số cuối năm	1,036,497,472	373,468,667
13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC		
	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	10,624,421
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	926,809,296
Thuế Thu nhập cá nhân	528,818,149	39,505,850
	528,818,149	976,939,567
<p>Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.</p>		
14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ		
	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền lương và thưởng tết	657,612,596	345,574,916
Chi phí kiểm toán	80,000,000	80,000,000
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	183,600,000	-
Chi phí phải trả khác	114,785,736	64,873,987
	1,035,998,332	490,448,903
15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC		
	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	190,790,951	109,342,814
Bảo hiểm xã hội	19,467,246	43,023,178
Bảo hiểm y tế	26,674,216	19,223,025
Bảo hiểm thất nghiệp	14,663,807	19,799,088
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9,461,045,365	86,959,122,827
Môi giới đầu tư mua Cổ phiếu chưa niêm yết	6,000,000,000	6,000,000,000
Phải trả theo các HĐHTKD	18,000,000,000	80,000,000,000

Báo cáo thường niên năm 2010 – Công ty CP Chứng khoán Sao Việt

BIDV Ba Đình giải ngân vay cầm cố (phải trả NĐT)	679,120,033	679,120,033
Tiền nhà đầu tư nộp mua phát hành thêm CP cho TTLK	185,395,330	925,231,330
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,639,571,068	4,764,342,369
	36,216,728,016	179,519,204,664
16 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN		
	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải trả Sở (Trung tâm) Giao dịch chứng khoán	124,542,195	194,498,526
Phải trả khách hàng về giao dịch chứng khoán	11,250,000,000	11,250,000,000
	11,374,542,195	11,444,498,526
17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
a)	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135,000,000,000	135,000,000,000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>135,000,000,000</i>	<i>135,000,000,000</i>
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>135,000,000,000</i>	<i>135,000,000,000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
b) Cổ phiếu	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13,500,000	13,500,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13,500,000	13,500,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13,500,000</i>	<i>13,500,000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13,500,000	13,500,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13,500,000</i>	<i>13,500,000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10,000	10,000
18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN		
	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	41,898,379,981	69,370,898,191
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	10,682,421,795	14,513,364,130
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, hợp tác KD	18,594,230,579	43,013,708,605
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	-	2,093,400

Báo cáo thường niên năm 2010 – Công ty CP Chứng khoán Sao Việt

- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	18,672,578	4,272,200,001
- Doanh thu hoạt động tư vấn	2,145,035,705	-
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	166,545,458	395,000,009
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	-	41,360,000
- Doanh thu khác	10,291,473,866	7,133,172,046

41,898,379,981 69,370,898,191

19 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	4,709,431,465	2,980,956,640
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	21,831,916,907	19,623,377,657
Chi phí hoạt động tư vấn	439,110,306	1,434,911,127
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	207,399,181	83,002,266
Chi phí dự phòng	10,494,417,914	(22,033,693,092)
Chi phí khác	5,797,944,865	4,004,043,869
	43,480,220,638	6,092,598,467

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	8,380,185,231	6,434,251,947
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	770,891,009	2,682,227,110
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,218,974,916	2,969,271,552
Thuế, phí và lệ phí	160,075,622	372,974,510
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	304,500,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6,350,644,970	5,474,192,866
Chi phí khác bằng tiền	1,132,830,147	1,090,844,328
	20,013,601,895	19,328,262,313

21 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(21,372,497,807)	41,005,630,992
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(5,804,864,508)	(773,156,293)
- Các khoản điều chỉnh tăng	470,423,742	1,369,449,517
+ Chi phí không được trừ khi tính thuế	470,423,742	108,657,400
+ Tiền phạt thuế	-	310,829,061
+ Truy thu thuế TNDN, GTGT, môn bài	-	949,963,056
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(2,142,605,810)

Báo cáo thường niên năm 2010 – Công ty CP Chứng khoán Sao Việt

	(6,275,288,250)	
+ Cổ tức	(3,145,288,250)	(2,142,605,810)
	(3,130,000,000)	
+ Hoàn nhập dự phòng chứng khoán OTC (cơ quan thuế đã loại ra khỏi chi phí hợp lý tính thuế TNDN năm 2007)		
Tổng thu nhập chịu thuế	(32,511,803,081)	40,232,474,699
Chuyển lỗ năm trước	(1,325,057,592)	(41,557,532,291)
Thu nhập tính thuế	(40,112,148,923)	(1,325,057,592)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(21,372,497,807)	41,005,630,992
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(21,372,497,807)	41,005,630,992
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	13,500,000	13,500,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1,583)	3,037

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

24 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Xem chi tiết tại: Phụ lục báo cáo bộ phận.

25 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại do thay đổi chế độ kế toán. Thực hiện theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc thay đổi chế độ kế toán hiện hành, từ ngày 01/01/2010 số dư Quỹ khen thưởng, Phúc lợi được trình bày trong mục nợ ngắn hạn thay cho trước đây được trình bày trong mục vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Và một số chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được phân loại lại theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Chứng khoán.

	Mã số	Phân loại và trình bày lại VND	Trình bày trên báo cáo năm trước VND
Bảng cân đối kế toán			
Nợ ngắn hạn	310	192,106,839,949	193,689,695,844
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(1,582,855,895)	-
Vốn chủ sở hữu	400	198,757,147,698	197,174,291,803
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ			
Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán thương mại	10	(42,624,033,055)	-
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh CK	20	(14,817,169,090)	27,806,863,965
Tiền chi mua chứng khoán	25	-	(368,544,270,424)
Tiền thu hồi bán lại chứng khoán	26	-	325,920,237,369
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7,376,231,495	(35,247,801,560)

PHẦN V. GIẢI TRÌNH BÁO CÁO KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)
- Ý kiến Kiểm toán: Số 163/2011/BC.KTTC-AASC.KT2

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Dự phòng giảm giá cổ phiếu chưa niêm yết: Tại thời điểm 31/12/2010, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đối với cổ phiếu chưa niêm yết do không có cơ sở xác định giá thị trường và Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị các khoản đầu tư này là hợp lý.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Chứng khoán Sao Việt tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

II. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ: Các kiến nghị, đề xuất của kiểm toán nội bộ sau các đợt kiểm tra định kỳ và đột xuất trong năm 2010 liên quan tới trình bày báo cáo tài chính, tuân thủ chuẩn mực, chế độ kế toán đều được Công ty xem xét và điều chỉnh kịp thời.
- Trong năm 2010, bộ phận Kiểm soát nội bộ và Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ trong việc kiểm tra, kiểm soát hoạt động công ty và không phát hiện dấu hiệu bất thường trong hoạt động của Công ty.

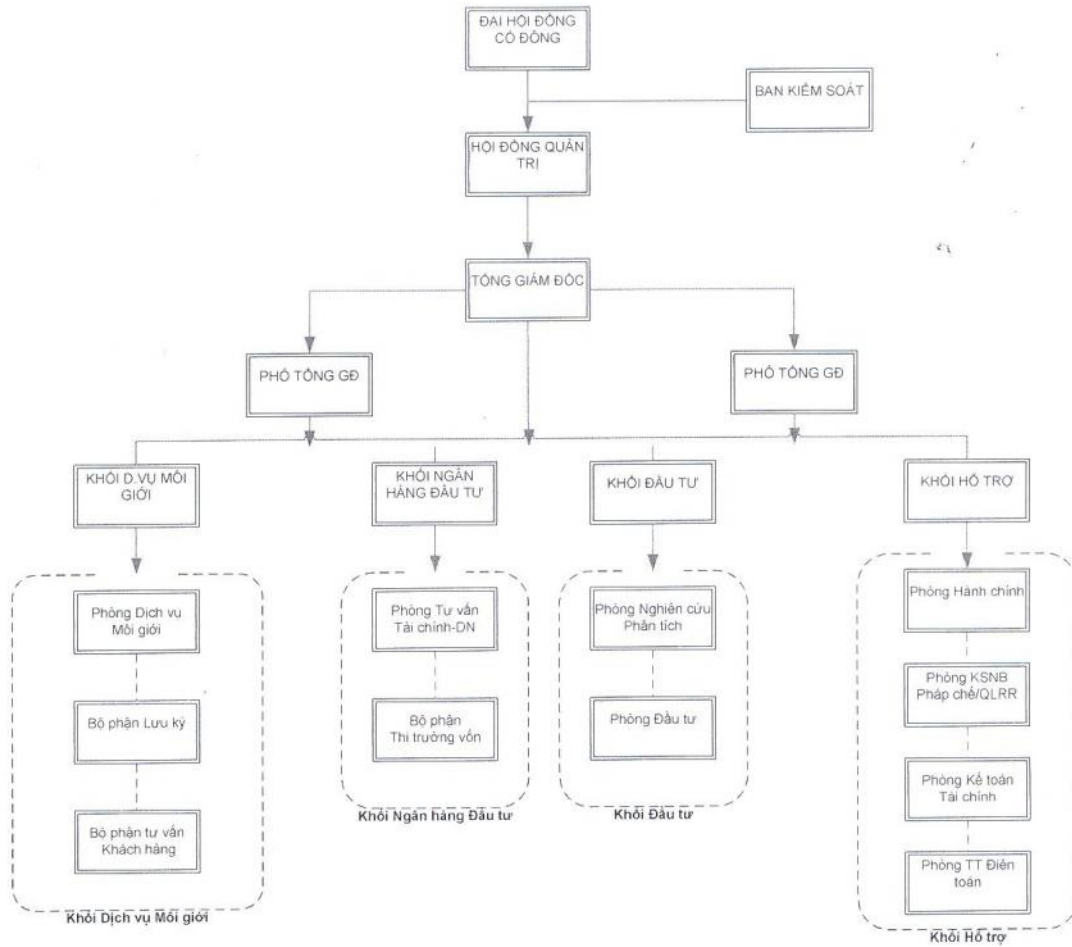
PHẦN VI. CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của tổ chức/công ty: Không có
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần do tổ chức/công ty nắm giữ: không có
- Tại ngày 31/12/2010, Công ty có nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của các công ty sau:

Tên công ty	Mã cổ phiếu	Số lượng nắm giữ	Tổng số chứng khoán lưu hành của tổ chức	Tỷ lệ (%)
Cty CP Đầu tư kinh doanh và Phát triển Hạ tầng KCN Phúc Hà		500.000	4.000.000	12.50%

PHẦN VII. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

■ Cơ cấu tổ chức



■ Tóm tắt lý lịch cá nhân Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ
1	Vũ Hồng Sự	1966	Thạc sỹ Kinh tế	Chủ tịch HĐQT
2	Đặng Đức Thành	1955	Cử nhân Kinh tế	Phó CT.HĐQT
3	Đình Quang Chiến	1967	Cử nhân TCKT	UV HĐQT
4	Vũ Văn Sơn	1969	Thạc sỹ Kinh tế	UV HĐQT
5	Nguyễn Phú Cường	1968	Thạc sỹ Kinh tế Quốc tế	UV HĐQT
6	Dương Văn Phúc	1975	Cử nhân Kinh tế	UV HĐQT
7	Nguyễn Anh Tuấn	1973	Cử nhân Toán học Cử nhân Kinh tế	Tổng Giám đốc

8	Phùng Thúy Phương	1969	Thạc sỹ Kinh tế	P.TGD
---	-------------------	------	-----------------	-------

- **Thay đổi thành viên HĐQT/Ban Điều hành/Ban Kiểm soát/Kế toán trưởng**
Không có
- **Cán bộ công nhân viên và chính sách đối với người lao động**
 - Đầu năm 2010, số lượng nhân viên chính thức tại Công ty CP Chứng khoán Sao Việt là: 50 (người). Chốt năm vào ngày 31/12/2010, số lượng nhân viên Công ty CP Chứng khoán Sao Việt là: 55 (người)
 - Công ty nghiêm túc thực hiện các chính sách lương thưởng, đãi ngộ nhân sự, đào tạo... để thu hút và phát triển nguồn nhân lực.

PHẦN VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

I. Thông tin HĐQT và Ban Kiểm soát

- **Thành viên Hội đồng Quản trị**

STT	Tên thành viên	Chức vụ
1	Vũ Hồng Sự	Chủ tịch HĐQT
2	Đặng Đức Thành	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Nguyễn Phú Cường	Thành viên HĐQT
4	Đình Quang Chiến	Thành viên HĐQT
5	Dương Văn Phúc	Thành viên HĐQT
6	Vũ Văn Sơn	Thành viên HĐQT (từ nhiệm 11.3.2011)

- **Thành viên Ban kiểm soát**

STT	Tên thành viên	Chức vụ
1	Lê Hoàng Dũng	Trưởng ban Kiểm soát
2	Lê Văn Khôi	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Nguyễn thị Thu Trang	Thành viên Ban Kiểm soát

- **Hoạt động của Hội đồng Quản trị/Hội đồng thành viên**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của công ty, có toàn quyền nhân danh công ty quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, ngoại trừ các quyết định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- **Hoạt động của Ban Kiểm soát**

Thực hiện chức năng, quyền hạn theo Quy định của Điều lệ công ty, Ban kiểm soát đã thực hiện nghiêm túc các công tác kiểm tra, soát xét và đưa ra nhận xét, đánh giá sau:

- Ban Tổng Giám đốc trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty CP chứng khoán Sao Việt đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế hoạt động của Công ty.
- Các hoạt động kinh doanh chính là tự doanh, môi giới và tư vấn đều mang lại doanh thu vượt kế hoạch, khắc phục được khoản lỗ năm 2008.
- Công tác kế toán đã sử dụng đồng vốn xoay vòng nhiều hơn trong việc sử dụng vốn lưu động, quản lý chặt chẽ các khoản cho vay cũng như các khoản vay, giải quyết được nợ đọng thuế từ năm 2007.
- Công tác nhân sự thực hiện tốt, tổ chức các sự kiện đầy đủ chu đáo và tiết kiệm

- Bộ phận Kiểm soát nội bộ đã đi vào hoạt động ổn định nhằm kiểm soát chặt chẽ các hoạt động tại công ty nhất là các nghiệp vụ chuyên môn của các phòng ban
- Vốn đầu tư tại Công ty qua các năm được bảo toàn và phát triển. Phạm vi, quy mô hoạt động của Công ty đang đi vào hoạt động ổn định, mang lại hiệu quả
- Thống nhất với số liệu Báo cáo tài chính năm 2009 do Công ty CP Chứng khoán Sao Việt lập và đã được Công ty TNHH Dịch vụ và Tư vấn Tài chính kế toán và kiểm toán (AASC) kiểm toán.

■ **Thù lao Hội đồng Quản trị/Ban Kiểm soát**

- Thù lao thành viên HĐQT: 5,000,000 đồng/tháng. Tổng thực chi thù lao HĐQT năm 2010 là 366,600,000 đồng
- Thù lao trưởng ban kiểm soát: 9,000,000 đồng/tháng. Thực chi thù lao trưởng ban KS là 108,000,000 đồng.

Thù lao thành viên Ban kiểm soát: 2,000,000 đồng/người.

■ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát**

STT	Tên thành viên	Chức vụ	SL cá nhân năm giữ	Tỷ lệ (%)	SL đại diện sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Vũ Hồng Sự	Chủ tịch HĐQT	515,500	3.82%	-	-
2	Đặng Đức Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-	1,273,500	9.43%
3	Nguyễn Phú Cường	Thành viên HĐQT	300,000	2.22%	-	-
4	Đình Quang Chiến	Thành viên HĐQT	-	-	550,000	4.07%
5	Dương Văn Phúc	Thành viên HĐQT	770,000	5.70%	-	-
6	Vũ Văn Sơn	Thành viên HĐQT (từ nhiệm 11.3.2011)	-	-	3,000,000	22.22%
7	Lê Hoàng Dũng	Trưởng ban Kiểm soát	235,000	1.74%	-	-
8	Lê Văn Khởi	Thành viên Ban Kiểm soát	33,000	0.24%	-	-
9	Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	4,000	0.03%	-	-
			1,857,500	13.76%	4,823,500	35.73%

Thay đổi tỷ lệ nắm giữ của thành viên HĐQT trong kỳ: không có

II. Thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước: không có

2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập

- Thông tin về cổ đông sáng lập chốt ngày 31/12/2010

Báo cáo thường niên năm 2010 – Công ty CP Chứng khoán Sao Việt

STT	Cổ đông	Số ĐKKD/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	0103004940	Xóm 7, Xã Đông Ngạc, Huyện Từ Liêm, Hà Nội	550.000	4,07
2	Công ty Cổ phần xây dựng Thương mại Căn nhà Mơ ước	4103004401	58/1-58/2 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Kiểng, Quận 7, Tp.Hồ Chí Minh	1.273.500	9,43
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Sao Việt	0103011179	Phòng 125-DDN5 CT4 Khu đô thị Mỹ Đình-Mễ Trì, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Hà Nội	249.600	1,85
4	Dương Văn Phúc	022872831	117/5 Thống Nhất, Phường 11, Q.Gò Vấp, TP.HCM	770.000	5,70
TỔNG				2.843.100	21.06

3. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài: không có



Ngô Đức Vũ